

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/8/2020

V/v “*Ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Thúy Phượng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông **Tô Hiến Tiến**

- Ông **Âu Văn Nghị**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Bùi Ngọc Chiến** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 03 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2020/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà **Lưu T.** Sinh năm: 2000

Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt.

* ***Bị đơn:*** Ông **Đỗ V.** Sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 16 tháng 4 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn bà Lưu T trình bày thì:***

Bà và ông V quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian khoảng hơn một năm thì quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông vào ngày 03/4/2019. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống và làm ăn tại thôn Thôn L, xã K, huyện Đ. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 11 năm 2019. Nguyên nhân là do ông V hay đánh đập bà T, thường xuyên phá đồ đạc, không chịu làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mặc dù gia đình hai bên đã hòa giải

nhưng tình trạng mâu thuẫn vẫn tiếp diễn và kéo dài đến nay. Hiện tại, bà và ông V đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đỗ V.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Đỗ V theo quy định pháp luật nhưng bị đơn ông V không đến làm việc.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà T và ông V có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, quá trình chung sống, hai bên có xảy ra mâu thuẫn, xét thấy tình cảm vợ chồng bà T và ông Thanh V không có khả năng hàn gắn được, nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ông V và bà T ly hôn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng:*** Bị đơn ông Đỗ V được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] ***Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:***

Bà T và ông V sau thời gian tìm hiểu và quyết định tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Đắk Nông, sau khi kết hôn thì ông bà sinh sống tại Thôn L, xã K, huyện Đ. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với V. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà T và ông V đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa H, huyện S, tỉnh Đắk Nông vào ngày 03/4/2019, nên xác định hôn nhân của bà T và ông V là hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống bà T và ông V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V hay đánh đập bà T, thường xuyên phá đồ đạc, không chí thú làm ăn để xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà và ông Thanh đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay. Bà T thấy rằng cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà và ông V không còn tình cảm với nhau nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đỗ V.

Qua xác minh thực tế, đời sống vợ chồng ông V, bà T không hạnh phúc như lời trình bày của nguyên đơn là đúng, hôn nhân của ông bà không có khả năng hàn gắn được và bà T có nguyện vọng ly hôn với ông V. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ.

[4] **Về con chung:** Không có

[5] **Về tài sản chung:** Không có.

[6] **Về nợ chung:** Không có

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bà Lưu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; 39 và Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lưu T và bị đơn ông Đỗ V được ly hôn.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Lưu T phải nộp số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào toàn bộ số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0010193 ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, bà T đã nộp đủ.

Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/8/2020) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo

trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thúy Phượng